

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-ST

Ngày: 26 - 11- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Giàng A Đình;
2, Ông Sùng A Xà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Hờ, thư ký tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/ QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Giàng Thị P, Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1980; tại huyện T, tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKNKTT và cư trú hiện nay: bản H, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: không; Dân tộc: Mông; giới tính Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A D và bà Thào thị M (Đều đã chết); có chồng thứ nhất là Thào A K - đã chết; Chồng thứ hai : Giàng Khua N - sinh năm 1971 và 05 (Năm) con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2021 (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Gia H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Người có QL, NVLQ: Vàng A C, sinh năm 1990; nghề nghiệp: trồng trọt; nơi cư trú: bản T, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Vàng A D, sinh năm 1980; nghề nghiệp: trồng trọt; nơi cư trú: bản D, xã D, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Hoàng Văn Viện, sinh năm 1990 nghề nghiệp: trồng trọt; nơi cư trú: bản P, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Giàng A P, sinh năm 1964; nghề nghiệp: trồng trọt; nơi cư trú: bản H, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Lý Thị M, sinh năm 1973; nghề nghiệp: trồng trọt; nơi cư trú: bản H, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Thào A D

Địa chỉ: tổ 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 02/6/2021, Giàng Thị P gặp và mua được của một người nam giới dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi, không quen biết tại khu vực bản C, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái 01 túi nilon màu xanh bên trong có khoảng 50 (năm mươi) viên ma túy tổng hợp với số tiền 1.000.000đ. Tiếp đó đến khoảng 16 giờ ngày 04/6/2021, P lại gặp và mua được của một người nam giới không quen biết khác, dân tộc Mông khoảng hơn 40 tuổi tại nơi ở của bản thân một lượng Heroine với số tiền 8.000.000đ. Sau khi mua được ma túy, Giàng Thị P chia nhỏ, cất giấu với mục đích để bán kiếm lời và dùng để thay tiền trả công cho người làm thuê. Cụ thể:

Khoảng 12 giờ ngày 06/6/2021, P bán cho Hoàng Văn V - Sinh năm 1990, trú tại bản P, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái và Vàng A D - Sinh năm 1980, trú tại bản D, xã D, huyện M, tỉnh Yên Bái mỗi người 01 gói Heroine với giá 50.000đ/01 gói (việc bán ma túy giữa Giàng Thị P với Hoàng Văn V thì Vàng A D nhìn thấy và biết; ngược lại việc mua bán ma túy giữa Giàng Thị P với Vàng A D thì Hoàng Văn V nhìn thấy và biết).

Ngoài ra Giàng Thị P đã dùng ma túy trả công cho 03 người làm thuê nhiều lần tại nơi ở:

- Lần 1: Khoảng 07 giờ ngày 05/6/2021, trả công cùng làm thuê xây cổng vào nhà, kê đá bờ ruộng cho Vàng A C - Sinh năm: 1990, trú tại bản T, xã C, huyện M và Giàng A P - Sinh năm: 1964, trú tại bản H, xã N, huyện M 02 gói Heroine - tương đương 100.000đ/nửa ngày công lao động.

- Lần 2: Khoảng 17 giờ ngày 05/6/2021 trả công thuê vớt bèo cho Lý Thị M - Sinh năm: 1973, trú tại bản Háng Cơ, xã N, huyện M 01 gói Heroine tương đương 50.000đ.

- Lần 3: Khoảng 18 giờ ngày 05/6/2021 P đưa riêng ma túy để trả công làm thuê cho Vàng A C và Giàng A P mỗi người 01 gói Heroine tương đương 50.000đ.

- Lần 4: Khoảng 06 giờ và 07 giờ ngày 06/6/2021, trả công cùng làm thuê cho Vàng A C, Giàng A P và Lý Thị M mỗi người 01 gói Heroine và 01 phần của viên ma túy tổng hợp (tương đương mỗi người 70.000,đ /nửa ngày công lao động).

- Lần 5: Khoảng 12 giờ ngày 06/6/2021, trả công cùng làm thuê cho Vàng A C và Lý Thị M mỗi người 01 gói Heroine tương đương 50.000đ/nửa ngày công lao động.

Sau khi trả công bằng ma túy thay tiền cho Vàng A C, Giàng A P và Lý Thị M thì C, P và M đi đâu, làm gì và sử dụng số ma túy đã được trả công này như thế nào Giàng Thị P không biết.

Đến 12 giờ 30 phút ngày 06/6/2021, tổ công tác Công an huyện M, tỉnh Yên Bái làm nhiệm vụ tại bản H, xã N, huyện M phát hiện tại nơi ở của Giàng Thị P, tụ tập đông người có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra Giàng Thị P tự giác giao nộp: 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy, bên trong có 02 gói bằng mảnh nilon màu hồng (01 gói được vụn xoắn một đầu, 01 gói được hàn kín một đầu) bên trong mỗi gói đều chứa chất bột nén màu trắng; 01 túi nilon màu xanh có khóa kẹp, bên trong có các viên nén, mảnh viên nén màu hồng, một mặt các viên nén có chữ “WY” và các viên nén màu xanh một mặt đều có chữ “A”; ví vải màu đen bên trong có 5.020.000,đ; 01 điện thoại di động màu xanh đen, loại cảm ứng, mặt sau có chữ Redmi. Đồng thời P khai nhận các gói có chất bột nén màu trắng, các viên nén, mảnh viên nén màu hồng, màu xanh đã giao nộp cho cơ quan Công an thu giữ là Heroine và ma túy tổng hợp của bản thân cất giấu với mục đích ai có nhu cầu mua thì bán kiếm lời và trả công cho người làm thuê thay bằng tiền và trong số tiền đã thu giữ có 100.000,đ là tiền vừa bán ma túy mà có.

Còn 05 người có mặt tại nơi ở của Giàng Thị P là: Vàng A C - Sinh năm 1990, trú tại bản T, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vàng A D - Sinh năm 1980, trú tại bản D, xã D, huyện M; Hoàng Văn V - Sinh năm 1990, trú tại bản P, xã T, huyện V; Giàng A P - Sinh năm 1964 và Lý Thị M - Sinh năm 1973 cùng trú tại bản H, xã N, huyện M. Kiểm tra người D, Viện, P và M không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Riêng Vàng A C tự giác giao nộp: 01 mảnh giấy bạc được gập lại, bên trong có chất bột nén màu trắng và khai nhận là Heroine được Giàng Thị P đưa cho để trả công làm thuê; Căn cứ nội dung kiểm tra, tang vật thu giữ và lời khai, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Giàng Thị P và Vàng A C, niêm phong vật chứng theo quy định.

Tiến hành khám xét khẩn cấp địa điểm, đồ vật tại bản H, xã N, huyện M đối với Giàng Thị P phát hiện và thu giữ: 01 lọ nhựa nhiều màu sắc, có nắp đậy màu đỏ, bên trong có 01 gói bằng mảnh nilon màu đen bên ngoài, bên trong là gói nilon màu trắng

có chứa chất bột nén màu trắng, Tiền có chữ Ngân hàng nhà nước Việt Nam 31.470.000,đ và 01 (một) cân tiểu ly tự chế có vỏ bằng gỗ.

Tại biên bản mở niêm phong số 298/GĐMT ngày 07/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Vàng A C có tổng khối lượng là 0,02 gam. Do đó ngày 07/6/2021, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định trả tự do đối với Vàng A C do hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại bản Kết luận giám định số 298/GĐMT ngày 14/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

- Chất bột nén màu trắng thu giữ của Vàng A C có khối lượng 0,02 gam; 0,02 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

- 47 viên nén màu hồng trên một mặt mỗi viên đều có chữ “WY”, các mảnh viên nén màu hồng và 03 viên nén màu xanh một mặt có chữ “A” một mặt có chữ “Y1” thu giữ của Giàng Thị P có tổng khối lượng 5,19 gam; 0,79 gam trích từ 5,19 gam gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất bột nén màu trắng thu giữ của Giàng Thị P có khối lượng 0,19g; 0,08 gam trích từ 0,19 gam gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

- Chất bột nén màu trắng thu giữ khi khám xét đối với Giàng Thị P có khối lượng 17,51 gam; 0,3 gam trích từ 17,51 gam gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Bản cáo trạng số 36/ CT - VKS - MCC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Giàng Thị P về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, c, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c, p khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ mười hai đến mười ba năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Hành vi phạm tội của bị cáo là rõ ràng, bị cáo bị truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, c, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sinh ra và lớn lên ở xã đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; thành khẩn khai báo, tự giác khai nhận hành vi phạm tội khi chưa bị phát hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ mười một đến mười hai năm tù, miễn tiền án phí cho bị cáo. Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Người bào chữa, không bổ sung thêm. Khi nói lời

sau cùng, bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi mình đã thực hiện, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản niêm phong, biên bản khám xét, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện ngày 06/6/2021 tại bản H, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái, Giàng Thị P đã tàng trữ 22,91g (Hai mươi hai phẩy chín mươi một gam) ma túy; loại Hêrôin và Methamphetamine, mục đích để bán và thay tiền trả công cho người làm thuê, thực tế đã bán cùng lúc cho Hoàng Văn Viện và Vàng A D 100.000đ vào hồi 12h; sau đó trả công bằng Hêrôin và Methamphetamine cho Vàng A C, Giàng A P và và Lý Thị M. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách kiểm soát các chất ma túy của Nhà Nước mà còn làm gia tăng tình trạng nghiện chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán các chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo các điểm b,c, khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét nhân thân Giàng Thị P, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức xã hội và pháp luật có phần hạn chế, bị cáo không có tiền án tiền sự nên xác định là người có nhân thân không xấu. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự giác khai nhận hành vi phạm tội khi chưa bị phát hiện nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình,

xã hội. Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 0,02 gam chất bột nén màu trắng , cơ quan giám định đã lấy toàn bộ để làm mẫu giám định không hoàn lại; Tổng khối lượng 0,19 gam chất bột nén màu trắng, cơ quan giám định đã lấy 0,08 gam làm mẫu giám định không hoàn lại , số còn lại 0,11 gam; Khối lượng 5,19 gam của các viên nén màu hồng , màu xanh một mặt của mỗi viên có chữ WY , chữ A, chữ Y1 cơ quan giám định đã lấy 0,79 gam làm mẫu giám định không hoàn lại, số còn lại 4,4 gam; Tổng khối lượng 17,51 gam chất bột nén màu trắng, cơ quan giám định đã lấy 0,3 gam làm mẫu giám định không hoàn lại, số còn lại 17,21 gam; Đây là đối tượng của tội phạm, là vật Nhà Nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- 05 (năm) vỏ phong bì đã mở niêm phong, túi nilon, nilon gói, mảnh giấy bạc màu vàng, giấy gói và các mảnh nilon gói. 02 (hai) lọ nhựa, trong đó có 01 lọ nhựa nhiều màu sắc và 01 lọ nhựa màu trắng , đều có nắp đậy và đều đã qua sử dụng. Không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.020.000,đ, trong đó có 100.000đ là do phạm tội mà có cần truy thu sung quỹ Nhà Nước, số tiền 4.920.000đ trả lại cho bị cáo; 02 (hai) ví vải màu đen và 01 (một) túi giả da, loại túi nữ nhiều màu sắc, đều đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, mặt sau có chữ Redmi, số IMEI1: 861569053016525, số IMEI2: 861569053016533, có ốp nhựa dẻo phía sau trong suốt, không kiểm tra chi tiết bên trong và tình trạng hoạt động của điện thoại; 01 (một) cân tiểu ly tự chế, có vỏ bằng gỗ, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo không chứng minh được liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 31.470.000,đ Đây là tiền hợp pháp của Giang Thị C - Sinh năm 1999, trú tại bản T, xã C, huyện M (là con riêng của chồng bị cáo) gửi nhờ Giàng Thị P cất giữ để mua hộ đất ruộng, nương. Do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trao trả toàn bộ số tiền trên cho Giàng Thị C theo quy định.

[5] Đối với những người mua ma túy của bị cáo và được bị cáo trả công bằng ma túy, đây là những người nghiện ma túy và số ma túy đó đã sử dụng hết, hoặc còn nhưng không đủ khối lượng cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[6] Về nguồn gốc số ma túy Giàng Thị P khai những người đã bán Heroine và Methamphetamine, bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ và đặc điểm cá nhân, nên không có cơ sở để xử lý với những người này.

[7] Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b, c, p Khoản 2 Điều 251; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Giàng Thị P phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: bị cáo Giàng Thị P 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07.6.2021.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) vỏ phong bì đã mở niêm phong, túi nilon, nilon gói, mảnh giấy bạc màu vàng, giấy gói và các mảnh nilon gói. 02 (hai) lọ nhựa, trong đó có 01 lọ nhựa nhiều màu sắc và 01 lọ nhựa màu trắng, đều có nắp đậy và đều đã qua sử dụng; Tổng khối lượng 0,19 gam chất bột nén màu trắng, cơ quan giám định đã lấy 0,08 gam làm mẫu giám định không hoàn lại, số còn lại 0,11 gam; Khối lượng 5,19 gam của các viên nén màu hồng, màu xanh một mặt của mỗi viên có chữ WY, chữ A, chữ Y1 cơ quan giám định đã lấy 0,79 gam làm mẫu giám định không hoàn lại, số còn lại 4,4 gam; được niêm phong trong phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Yên Bái phát hành; Mặt trước phong bì có ghi: “Vật chứng thu giữ của Giàng Thị P - SN: 1980 tại bản H, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái ngày 06/6/2021” (Sau khi trích mẫu giám định); Mặt sau phong bì các mép được dán kín có chữ, ký họ tên của những người niêm phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái tại mép dán giáp lại. Tổng khối lượng 17,51 gam chất bột nén màu trắng, cơ quan giám định đã lấy 0,3 gam làm mẫu giám định không hoàn lại, số còn lại 17,21 gam; được niêm phong trong phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Yên Bái phát hành; mặt trước phong bì có ghi “Vật chứng thu giữ khi khám xét đối với Giàng Thị P - SN: 1980 tại bản H, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái ngày 06/6/2021” (Sau khi trích mẫu giám định). Mặt sau phong bì các mép được dán kín có chữ, ký họ tên của những người niêm phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái tại mép dán giáp lại.

- Trả lại Giàng Thị P 4.920.000đ (Bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng); 02 (hai) ví vải màu đen và 01 (một) túi giả da, loại túi nữ nhiều màu sắc, đều đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, mặt sau có chữ Redmi, số IMEI1: 861569053016525, số IMEI2: 861569053016533, có ốp nhựa dẻo phía sau trong suốt; 01 (một) cân tiểu ly tự chế, vỏ bằng gỗ, đã qua sử dụng.

- Truy thu nộp Ngân sách Nhà Nước 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) của Giàng Thị P.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKS huyện M;
- Công an huyện M;
- THA huyện M;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Hồ sơ THA phạt tù;
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ST

Ngày.....-.....-.....

⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)

Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....**tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS

ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS

ngày...tháng...năm...đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học

vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con

ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con;⁽¹²⁾tiền án.....,tiền sự.....;

nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾
Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾
- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾
-
- Bị hại:⁽¹⁷⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾
-
- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾
-
- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾
-
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾
-
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾
-
- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾
-

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾

.....

(30)

.....

(31)

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày

10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1)
(4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn

D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

